

Bản án số: 121/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp họ*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3 (xóm N), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1984; địa chỉ: Căn hộ MLC 1615, Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Anh Vũ Văn Trọng, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 3 (xóm N), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng , nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng quen biết nhau nên bà có cho chị Vũ Thị T vay tiền, vàng nhiều lần và tham gia góp hội (họ) tiền do chị T làm chủ hội (họ). Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 bà đã cho chị T vay tiền, vàng và còn tham gia chơi hội với chị T, cụ thể:

* Về cho vay tiền, vàng:

- Ngày 13/5/2018 (tức ngày 28/3/2018 âm lịch) bà cho vay 38 chỉ vàng 24k, đến ngày 04/6/2020 chị T trả bà được 10 chỉ vàng 24k, còn nợ 28 chỉ vàng 24k.
- Ngày 04/4/2019 (tức ngày 30/02/2019 âm lịch) bà cho vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 22/7/2019 (tức ngày 20/6/2019 âm lịch) bà cho vay 16.000.000 đồng.
- Ngày 06/6/2020 (tức ngày 15/4/2020 âm lịch) bà cho vay hai lần tổng là 35.000.000 đồng.
- Ngày 24/7/2020 (tức ngày 04/6/2020 âm lịch) bà cho vay 20.000.000 đồng.

Tổng cộng chị T đã vay của bà là 121.000.000đ (Một trăm hai mươi một triệu đồng) và 28 (Hai mươi tám) chỉ vàng 24k. Tất cả các lần vay tiền chị T đều tự viết biên nhận và ký tên vào sổ gốc của bà giữ. Nội dung các giấy biên nhận không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 01%/tháng đối với tiền vay, còn vàng thì không thỏa thuận lãi. Chị T đã trả lãi đến ngày 30/4/2020 âm lịch thì ký xác nhận trong sổ của bà là đã thanh toán lãi. Sau đó chị T bỏ đi khỏi địa phương không trả lãi và gốc cho bà lần nào nữa.

* Về tham gia chơi hội (họ): Bà có tham gia chơi các dây hội tiền do chị Vũ Thị T làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Ngày 11/5/2018 (tức ngày 26/3/2018 âm lịch), bà chơi 01 suất hội với chị T, mỗi suất hội góp 2.500.000 đồng/tháng, nếu đã rút góp 3.000.000 đồng/tháng. Hội có 28 thành viên, mỗi tháng tổ chức rút hội một lần, chị T có ký giấy xác nhận chơi hội cho bà. Bà đã góp hội đến tháng 6/2020 được 26 tháng với số tiền là 65.000.000 đồng thì chị T bỏ đi. Hội kết thúc vào tháng 08/2020 nhưng bà chưa được chị T cho lĩnh hội.

- Ngày 14/11/2018 (tức ngày 08/10/2018 âm lịch), bà chơi 02 suất hội với chị T, mỗi suất hội góp 5.000.000 đồng/tháng, 02 suất là 10.000.000 đồng/tháng; mỗi tháng góp hội 01 lần; có 35 suất góp hội. Bà trực tiếp đóng tiền hội cho chị T 01 suất, còn 01 suất do con gái bà là chị Hoàng Thị Thu T đang sinh sống ở thành phố Hà Nội góp hộ cho bà, hàng tháng chị T gửi tiền hội vào tài khoản của chị T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H. Do sơ suất bà không yêu cầu chị T viết giấy xác nhận chơi hội cũng như số tiền hội đã góp cho chị T hàng tháng. Tính đến ngày 16/10/2020 (tức ngày 30/8/2020 âm lịch), bà đã góp 02 suất hội được 25 tháng với tổng số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Hội này bà chưa được lĩnh thì chị T bỏ đi. Do 01 suất hội bà trực tiếp góp cho chị T không có giấy tờ gì làm chứng nên bà xin rút lại để sau này gặp chị T đòi nợ sau, còn 01 suất hội do chị T con gái bà gửi vào tài khoản cho chị T có sao kê

của Ngân hàng cung cấp với tổng số tiền đã góp là 125.000.000 đồng thì bà yêu cầu chị T phải trả cho bà số tiền này.

- Ngày 22/4/2020 (tức ngày 30/3/2020 âm lịch), bà chơi 01 suất hội với chị T, mỗi suất góp 2.500.000 đồng/tháng, có 28 thành viên tham gia. Bà đã góp được 07 tháng với tổng số tiền 17.500.000 đồng, chị T có ký xác nhận vào sổ cá nhân của bà việc bà tham gia hội và đóng hội hàng tháng đến 30/8/2020 âm lịch. Sau đó chị T bỏ đi nên bà chưa được lĩnh hội.

Ngoài các hội tiền trên thì bà còn tham gia chơi 01 suất hội góp 2.500.000 đồng/tháng với chị T nhưng do chị T giữ giấy tờ, bà không có chứng cứ gì nên chưa đề nghị Tòa án giải quyết, sau này bà tự giải quyết với chị T.

Tổng số tiền bà đã góp hội cho chị T nhưng đến nay chưa được lĩnh tổng cộng là: 65.000.000 đồng + 125.000.000 đồng + 17.500.000 đồng = 207.500.000đ (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi chị T bỏ đi khỏi địa phương có gọi điện cho bà mấy lần hứa khi nào về sẽ thu xếp trả nợ nhưng chị T vẫn không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc chị Vũ Thị T trả cho bà số tiền, vàng gốc đã vay là 121.000.000 đồng và 28 chỉ vàng 24k; tiền bà góp hội nhưng chưa được lĩnh hội là 207.500.000 đồng. Tổng cộng là 328.500.000đ (Ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và 28 (Hai mươi tám) chỉ vàng 24k; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng mà không có lý do; không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2021, người làm chứng chị Hoàng Thị Thu T trình bày: Chị là con gái của bà Vũ Thị H, do bà H bị suy tim phải mổ, kinh tế gặp khó khăn nên chị có cho tiền để hàng tháng bà H tham gia chơi hội với chị Vũ Thị T có tiền đi mổ tim. Chị được biết bà H có tham gia chơi 05 suất hội với chị T, bà H trực tiếp đóng 03 suất, còn chị cho tiền đóng hộ cho 02 suất gồm 01 suất hội góp 5.000.000 đồng/tháng và 01 suất hội góp 2.500.000 đồng/tháng. Từ năm 2018 đến năm 2020 chị đã gửi tiền đóng hội cho chị T theo số tài khoản 3207205202972 của chị T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H. Chị có các bản sao kê do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) nơi chị mở tài khoản cá nhân cung cấp thể hiện việc chị chuyển tiền đóng hội các năm 2018, 2019 và 2020. Các lần chuyển tiền cho chị T có tháng gửi 5.000.000 đồng, có tháng gửi 7.500.000 đồng là do gửi thêm tiền hội bà H nộp hàng tháng cho chị T còn thiếu. Tổng số tiền chị đã chuyển khoản đóng hội cho chị T nhận là 142.500.000 đồng. Nay mẹ chị là bà H khởi kiện yêu cầu chị T phải trả cho bà H số tiền trên chị hoàn toàn nhất trí. Do điều kiện chị đang làm việc tại Hà nội công việc bận nên xin được vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2021, người làm chứng là bà Vũ Thị N và chị Nguyễn Thị D thống nhất trình bày: Bà N và chị D có tham gia chơi 02 hội tiền mở ngày 08/10/2018 âm lịch có 35 thành viên góp mỗi suất 5.000.000 đồng/tháng và mở ngày 30/03/2020 âm lịch có 28 thành viên góp mỗi suất 2.500.000 đồng/tháng cùng với bà Vũ Thị H và chị Vũ Thị T do chị T làm chủ hội. Do đã chơi hội với nhau nhiều lần từ trước nên tin tưởng nhau không tổ chức họp hội để bàn bạc hay ký kết văn bản gì nên không biết mặt các thành viên tham gia;

nếu ai cần thận thì yêu cầu chị T ký xác nhận riêng. Khi rút hội thì trả công cho chị T 300.000 đồng là chủ hội. Do công việc bận nên bà N, chị D xin được vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2021, người làm chứng anh Vũ Văn Trọng trình bày: Anh có tham gia chơi 02 hội tiền mở ngày 26/03/2018 âm lịch có 28 thành viên góp mỗi suất 2.500.000 đồng/tháng và mở ngày 08/10/2018 âm lịch có 35 thành viên góp mỗi suất 5.000.000 đồng/tháng cùng với bà Vũ Thị H và chị Vũ Thị T do chị T làm chủ hội. Do đã chơi hội với nhau nhiều lần từ trước nên chị T lập và giữ sổ ghi chép, ai cần thận thì đề nghị chị T ghi xác nhận cho. Hàng tháng nộp tiền đóng hội cho chị T, ai rút hội thì đăng ký với chị T sắp xếp, mỗi lần rút hội trích lại công cho chị T 300.000 đồng. Do công việc bận nên anh xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H; buộc chị Vũ Thị T có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị H 328.500.000 đồng và 28 chỉ vàng 24k. Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ tiền vay và trả tiền góp họ (hội); đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hội) theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn chị Vũ Thị T có địa chỉ cư trú tại xóm 3 (xóm N), xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do; những người làm chứng bà Vũ Thị N, chị Nguyễn Thị D, chị Hoàng Thị Thu T và anh Vũ Văn Trọng đều đã có ý kiến xin được vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, chị T, bà N, chị D, chị T, anh T theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Bà Vũ Thị H yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ gốc là 121.000.000 đồng và 28 chỉ vàng 24k đã vay và 207.500.000 đồng tiền góp họ (hội). Trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn chị Vũ Thị T nhưng không nhận được văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ của chị T cung cấp đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H. Căn cứ Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Về việc vay tài sản: Theo các giấy biên nhận vay tiền và thanh toán nợ do bà Vũ Thị H cung cấp là bản gốc viết tay bằng mực bút bi màu xanh các giấy biên nhận có nội dung: Ngày 28/3/2018 âm lịch vay 38 chỉ vàng; ngày 30/02/2019 âm lịch vay 50.000.000 đồng; ngày 20/6/2019 âm lịch vay 16.000.000 đồng; ngày 15/4/2020 âm lịch vay hai lần là 35.000.000 đồng; ngày 04/6/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 38 chỉ vàng và 121.000.000 đồng. Ngày 04/6/2020 âm lịch đã trả gốc 10 chỉ vàng; đã thanh toán lãi đến ngày 30/4/2020 âm lịch. Các giấy biên nhận vay tiền, vàng và thanh toán nợ gốc, nợ lãi nêu trên có ghi tên người vay là chị Vũ Thị T và có chữ ký của người vay. Theo nội dung các giấy biên nhận trên thì không thể hiện thời hạn vay và mức lãi suất cho vay nhưng bà H thừa nhận hai bên có thỏa thuận miệng lãi tiền là 01%/tháng, vàng không thỏa thuận lãi và chị T đã ký xác nhận trả lãi đến ngày 30/4/2020 âm lịch. Như vậy có cơ sở khẳng định trong khoảng thời gian từ ngày 28/3/2018 âm lịch (tức ngày 13/5/2018) đến ngày 04/6/2020 âm lịch (tức ngày 24/7/2020), chị Vũ Thị T đã vay của bà Vũ Thị H 38 chỉ vàng 24k và 121.000.000 đồng, đã trả gốc được 10 chỉ vàng 24k, còn nợ là 28 chỉ vàng 24k và 121.000.000 đồng. Bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị T không trả và còn bỏ đi khỏi nơi cư trú không cung cấp địa chỉ mới cho nguyên đơn. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị T phải trả số tiền, vàng gốc vay còn nợ như trên là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về việc góp họ (hội): Bà Vũ Thị H yêu cầu chị Vũ Thị T trả cho bà số tiền đã góp hội mở ngày 26/3/2018 âm lịch (tức ngày 11/5/2018) là 65.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2018 âm lịch (tức ngày 14/11/2018) là 125.000.000 đồng và mở ngày 30/3/2020 âm lịch (tức ngày 22/4/2020) là 17.500.000 đồng; tổng cộng là 207.500.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp gồm: 01 giấy viết tay bằng mực bút bi màu xanh có chữ ký của chị T xác nhận bà H đã tham gia góp 01 suất hội góp 2.500.000 đồng/tháng bắt đầu vào ngày 26/3/2018 âm lịch (tức ngày 11/5/2018); 01 giấy viết tay bằng mực bút bi màu xanh có chữ ký của chị T xác nhận bà H đã tham gia góp 01 suất hội góp 2.500.000 đồng/suất bắt đầu vào ngày 30/3/2020 âm lịch (tức ngày 22/4/2020); các bản sao kê của Ngân hàng thể hiện việc chị Hoàng Thị Thu T (là con gái của bà H) gửi tiền đóng hội mở ngày 08/10/2018 âm lịch (tức ngày 14/11/2018) góp 5.000.000 đồng/suất/tháng cho chị Vũ Thị T bằng hình thức chuyển khoản trong các năm 2018, 2019 và 2020 trong đó có gửi vào số tài khoản 3207205202972 mở ngày 07/3/2014 tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hải Hậu của chị Vũ Thị T. Những người làm chứng là bà Vũ Thị N, chị Nguyễn Thị D đều xác nhận đã tham gia chơi 02 hội mở ngày 08/10/2018 âm lịch có 35 thành viên góp mỗi suất 5.000.000 đồng/tháng và mở ngày 30/03/2020 âm lịch có 28 thành viên góp mỗi suất 2.500.000 đồng/tháng cùng với bà Vũ Thị H và chị Vũ Thị T do chị T làm chủ hội; anh Vũ Văn Trọng xác nhận đã tham gia chơi 02 hội mở ngày 26/03/2018 âm lịch có 28 thành viên góp mỗi

suất 2.500.000 đồng/tháng và mở ngày 08/10/2018 âm lịch có 35 thành viên góp mỗi suất 5.000.000 đồng/tháng cùng với bà Vũ Thị H và chị Vũ Thị T do chị T làm chủ hội; chị Hoàng Thị Thu T xác nhận đã cho tiền bà H góp hội cho chị Vũ Thị T từ năm 2018 đến năm 2020, chị đã gửi tiền từ tài khoản cá nhân của mình vào tài khoản của chị T tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện H, tỉnh Nam Định, mỗi tháng gửi từ 5.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng và chị cung cấp các bản sao kê Ngân hàng từ tài khoản cá nhân của chị xác nhận việc chuyển tiền. Từ các chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ khẳng định giữa bà Vũ Thị H và chị Vũ Thị T có tham gia chơi hội với nhau từ năm 2018 đến năm 2020 với tổng số tiền bà H đã góp hội cho chị T là 207.500.000 đồng của 03 dây hội. Do chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú không thanh toán tiền hội cho bà H nên bà H khởi kiện đòi nợ số tiền đã góp hội như trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị H rút yêu cầu về việc buộc chị T phải trả 01 suất hội tiền góp 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 08/10/2018 âm lịch (tức ngày 14/11/2018) với số tiền đã góp từ năm 2018 đến năm 2020 là 125.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn. Ngoài ra bà H còn khai có tham gia 01 suất hội góp 2.500.000 đồng/tháng với chị T nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.5] Về lãi: Bà Vũ Thị H không yêu cầu chị Vũ Thị T phải trả lãi tiền vay và tiền đã góp hội nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Vũ Thị T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị H không phải nộp án phí.

Tại thời điểm xét xử ngày 21/9/2021, giá vàng trung bình giữa mua vào và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 24k được xác định là 5.125.000 đồng/chỉ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hội) đối với chị Vũ Thị T.

Buộc chị Vũ Thị T phải trả cho bà Vũ Thị H tổng số tiền là 328.500.000đ (Ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và 28 (Hai mươi tám) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi nợ tiền 01 suất hộ góp 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 08/10/2018 âm lịch (tức ngày 14/11/2018) với số tiền đã góp từ năm 2018 đến năm 2020 là 125.000.000 đồng của bà Vũ Thị H đối với chị Vũ Thị T do rút yêu cầu.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.880.000đ (Hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên